

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/9/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Hữu Bình**

2. Ông **Vương Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Khánh Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2020/HNGĐ-ST, ngày 14/7/2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 27/8/20 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh **Lương S**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

** Bị đơn:* Chị **Ma Thị U**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Anh **Lương S** và chị **Ma Thị U** đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh **Lương S** trình bày:

Anh và chị **Ma Thị U** có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 10/5/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh **S** tại thôn T, xã A, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn, anh và chị **U** đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, chị **U** đi làm ăn xa chỉ liên lạc qua điện thoại về với gia đình anh **S** để hỏi thăm con chung. Anh **S** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Ma Thị U**.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị **Ma Thị U** có 01 con chung tên là **Lương N**, sinh ngày 04/01/2018. Hiện nay cháu **N** đang ở với anh **S**. Anh đề nghị Tòa án

giải quyết cho anh được quyền nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn vì chị U bỏ nhà ra ngoài ở đã để lại con cho anh nuôi dưỡng, thỉnh thoảng chị U chỉ gọi điện về hỏi thăm con mà không có trách nhiệm gì. Anh không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh S xác nhận anh và chị U không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc vụ thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và đối chiếu chứng cứ cho chị Ma Thị U (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết tại chính quyền địa phương) nhưng chị U đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Do vậy Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để ra giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Anh Lương S và chị Ma Thị U là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2017. Anh S và chị U có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã A, thành phố T. Anh S và chị U sống cùng gia đình nhà ông Lương Đ và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ của anh S. Trong thời gian sống tại địa phương không thấy anh S, chị U báo cáo về việc vợ chồng có mâu thuẫn nên thôn xóm không tham gia hoà giải mâu thuẫn vợ chồng anh S được. Từ đầu năm 2019 chị U không ở cùng anh S và gia đình anh S nữa, chị U không báo cáo về việc đi đâu, làm gì. Nay anh S xin ly hôn chị U, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lương N, sinh năm 2018, hiện nay cháu N đang ở với anh S và bố mẹ anh S tại thôn T, xã A, thành phố T. Anh S và chị U không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, anh Lương S có đơn xin vắng mặt, anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, anh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ma Thị U; anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với chị Ma Thị U đến tham gia tố tụng nhưng chị U vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương S về việc xin ly hôn chị Ma Thị U.

Về con chung: Giao cháu Lương N, sinh ngày 04/01/2018 cho anh Lương S chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ma Thị U không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh S không yêu cầu). Chị U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Lương S xác nhận anh và chị Ma Thị U không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lương S phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 14/7/2020, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Ma Thị U bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết tại chính quyền địa phương nhưng chị U không đến Tòa án giải quyết vụ việc, tại các buổi hòa giải chị U vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Ma Thị U.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương S và chị Ma Thị U kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 10/5/2017. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị U là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh S và chị U sinh sống tại Thôn T, xã A, thành phố T cùng với gia đình anh S. Từ tháng 3 năm 2019, chị U và anh S đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị U đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương S xin ly hôn chị Ma Thị U.

[3] Về con chung: Anh Lương S và chị Ma Thị U có 01 con chung là Lương N, sinh ngày 04/01/2018. Hiện nay cháu N đang ở với anh S, xét nguyện vọng của anh S là được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn là hợp lý nên chấp nhận. Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chị U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Lương S xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Lương S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Ma Thị U không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 28; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương S về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lương S được ly hôn chị Ma Thị U.

2. Về con chung: Giao cháu Lương N, sinh ngày 04/01/2018 cho anh Lương S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ma Thị U không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh S không yêu cầu). Chị U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Lương S và chị Ma Thị U không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lương S phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000501 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh S đã nộp đủ án phí.

Chị Ma Thị U không phải chịu án phí.

Anh Lương S và chị Ma Thị U có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã A, TPTQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

